**TUẦN 5**

***Thứ hai, ngày 7 tháng 10 năm 2024***

Hoạt động trải nghiệm 1

**PHAT ĐỘNG PHONG TRÀO TÌM KIẾM TÀI NĂNG NHÍ**

**I. Yêu cầu cần đạt:** Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Biết được nội dung phong trào “Tìmkiếm tài năng nhí” đối với HS lớp 1***.***

- Sẵn sàng tham gia phong trào “Tìm kiếm tài năng nhí”

**II. Chuẩn bị:**

- Ghế, mũ cho HS khi sinh hoạt dưới cờ.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| - Nhà trường tổ chức lễ sinh hoạt dưới cờ đầu 5:  + Ổn định tổ chức.  + Tuyên bố lí do, giới thiệu thành phần dự lễ chào cờm chương trình của tiết chào cờ.  + Nhận xét và phát động các phong trào thi đua của trường.  - GV giới thiệu và nhấn mạnh cho HS lớp 1 và toàn trường về tiết chào cờ đầu tuần:  + Thời gian của tiết chào cờ : là hoạt động sinh hoạt tập thể được thực hiện thường xuyên vào đầu tuần.  + Ý nghĩa của tiết chào cờ : giáo dục tình yêu tổ quốc, củng cố và nâng cao kiến thức, rèn luyện kĩ năng sống, gắn bó với trường lớp, phát huy những gương sáng trong học tập và rèn luyện, nâng cao tinh thần hiếu học, tính tích cực hoạt động của học sinh.  + Một số hoạt động của tiết chào cờ:  \* Thực hiện nghi lễ chào cờ  \* Nhận xét thi đua của các lớp trong tuần  \* Tổ chức một số hoạt động trải nghiệm cho học sinh.  \* Góp phần giáo dục một số nội dung: An toàn giao thông, bảo vệ môi trường, kĩ năng sống, giá trị sống.  \* Gợi ý cách tiến hành:  GV Tổng phụ trách Đội phát động phong trào “Tìm kiếm tài năng nhí” đối với HS tiểu học nói chung, HS lớp 1 nói riêng. Nội dung chính tập trung vào:  - Khái quát mục đích, ý nghĩa của phong trào “Tìm kiếm tài năng nhí”.  - Tìm kiếm “Tài năng” tiểu học là một hoạt động nhằm khuyến khích HS tự tin thể hiện sở thích và phát huy năng khiếu của HS trong một lĩnh vực nào đó : ca hát, múa, đọc thơ, thể thao.  - Hướng dẫn các lớp triển khai các hoạt động tìm kiếm tài năng nhí trong tiết sinh hoạt lớp. | + Chỉnh đốn trang phục, đội ngũ  + Đứng nghiêm trang  + Thực hiện nghi lễ chào cờ, hát Quốc ca  HS lắng nghe.  - HS thực hiện.  - HS thực hiện.  - HS thực hiện. |

-----------------------------------------------------

Tiếng Việt

**NG - NGH (Tiết 1+2)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù - năng lực ngôn ngữ**

**1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

- Nhận biết âm và chữ **ng, ngh;** đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **ng**, **ngh.**

- Nhìn hình, phát âm và tự phát hiện tiếng có **ng, ngh.**

- Nắm được quy tắc chính tả: **ngh** + **e**, **ê**, **i / ng** + **a**, **o**, **ô**, **ơ**,...

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Bi nghỉ hè.*

- Viết đúng trên bảng con các chữ **ng**, **ngh**,tiếng **ngà**, **nghé**.

**1.2. Phát triển năng lực văn học**

- Bước đầu biết cảm nhận được nội dung và ý nghĩa bài đọc

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Khơi gợi tình yêu học tập.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Chuẩn bị:**

- 4 thẻ từ để 1 HS làm BT 4 trước lớp.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1**  **1. Mở đầu**  - GV kiểm tra 2 HS đọc bài **Bi ở nhà***.* (bài 21).  **2. Hình thành kiến thức mới**  **Khám phá**  \* Giới thiệu bài  Âm **ngờ** và các chữ **ng**, **ngh.**  - GV cho HS đọc.  **\*** ( BT 1: Làm quen ).  **a.** Âm và chữ **ng:**  **b.** Âm và chữ **ngh**  Làm tương tự với tiếng **nghé** *(nghé* là con trâu con).  **3. Luyện tập**  **a. Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có chữ **ng?** Tiếng nào có chừ **ngh?)**  **-** GV chỉ từng từ (in đậm).  \* GV chỉ âm, từ khoá vừa học, cả lớp đánh vần và đọc trơn:  **-** HS gắn lên bảng cài: **ng, ngh.**  **b. Quy tắc chính tả** (BT 3: Ghi nhớ)  - GV giới thiệu bảng quy tắc chính tả **ng / ngh;** hỏi: Khi nào âm **ngờ** được viết là **ngờ kép?** (Khi đứng trước **e, ê, i,** âm **ngờ** được viết là **ngh - ngờ kép***).* Khi nào âm **ngờ** được viết là **ngờ đơn?** (Khi đứng trước các âm khác **o, ô, ơ,...** âm **ngờ** được viết là **ng - ngờ đơn***).*  **c. Tập đọc** (BT 4).  \* GV giới thiệu bài **Bi nghỉ hè:** Bài đọc kể chuyện Bi nghỉ hè ở nhà bà.  - GV đọc mẫu.  **Tiết 2**  **a. Luyện đọc từ ngữ**  **b. Luyện đọc câu**  - GV: Bài đọc có 6 câu. GV (đánh số TT từng câu).  - Thi đọc đoạn, bài. (Chia bài làm 2 đoạn: mỗi đoạn 3 câu). Quy trình đã hướng dẫn.  **c. Tìm hiểu bài đọc**  - GV gắn lên bảng lớp 4 thẻ từ; chỉ từng cụm từ cho cả lớp đọc.  - GV ghép các vế câu trên bảng lớp.  - GV hỏi thêm: Ổ gà ở nhà bà được tả thế nào? (**Ổ gà be bé**). / Nhà nghé được tả thế nào? (**Nhà nghé nho nhỏ**). / Nghé được ăn gì? (**Nghé được ăn cỏ, ăn mía**).  **d. Tập viết** (bảng con - BT 5).  - GV vừa viết từng chữ mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn.  - Chữ **ng, ngh, ngà, nghé.**  **4. Dặn dò**  **-** Về đọc nhiều lần bài học và luyện viết **ng, ngh, ngà, nghé** vào vở ô li. | - HS đọc.  - HS (cá nhân, cả lớp): **ngờ.**  - HS nói: ngà voi. Tiếng **ngà** có âm **ngờ**. Phân tích: ....  - Đánh vần và đọc trơn: **nghé**.  - HS đọc từng từ ngữ: **bí ngô**, **ngõ nhỏ, nghệ**,...  - HS đọc thầm, tự phát hiện tiếng có âm **ng,** âm **ngh** (làm bài trong VBT).  - HS gắn bảng cài.  - HS báo cáo kết quả.  - Cả lớp: Tiếng ( bí ) **ngô** có **ng** (đơn)... Tiếng **nghệ** có **ngh** (kép),...  - HS nói 3 - 4 tiếng ngoài bài có âm **ng, ngh.**  - Cả lớp nhìn sơ đồ 1, đánh vần.  - Cả lớp nhắc lại quy tắc chính tả. **ngh + e, ê, i / ng + a, o, ô, ơ,...**  **-** HS luyện đọc từ:  - Cả lớp đọc thầm, rồi đọc thành tiếng (1 HS, cả lớp).  - Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  - HS thi đọc đoạn văn.  - HS nối ghép các từ ngữ trong VBT.  - 1 HS nói kết quả.  - Cả lớp đọc.  - Cả lớp đọc các chữ, tiếng vừa học được viết trên bảng lớp.  - HS lắng, theo dõi, quan sát.  - HS viết: **ng, ngh** (2 lần). Sau đó viết: **ngà, nghé.**  - HS viết vào bảng con.  - HS viết vào bảng con. |

---------------------------------------------------------

**Chiều** Toán

**EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC ( Tiết 1)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Củng cố kĩ năng đếm, nhận biết số lượng trong phạm vi 10; đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 10.

- Củng cố kĩ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.

- HS biết đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 10. Biết tách số, nhận dạng được hình **vuông**, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.

**2. Năng lực cần đạt**

- Thực hành sử dụng các dấu (>, <, =) để so sánh các số trong phạm vi 5.(Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học)

**3. Phẩm chất:**

- Rèn luyện phẩm chất chăm học, kiên trì trong học tập.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Các thẻ số từ 0 đến 10; Bộ đồ dùng học Toán.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. Mở đầu  *Bài 1: Xem tranh rồi đếm số đồ vật mỗi loại*  - Cho HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì?  - HS đặt câu hỏi cho bạn về số lượng người và mỗi loại đồ vật có trong bức tranh.  - Nhận xét  2. Thực hành, luyện tập  Bài 2  - Tổ chức cho học sinh làm việc cặp đôi.  - Nhận xét.  *Bài 3. Số?*  - Yc HS thực hiện các hoạt động sau:  Đếm số quả bóng, số kẹo, số vòng tay, số ngón tay rồi nêu số thích họp.  Quan sát hình vẽ, nhận xét:  - Thực hiện tương tự với các trường hợp khác.  -Nhận xét  3. Vận dụng  - YCHS quan sát đồ dùng học tập, đếm số lượng và ghi số ra bảng con  -Nhận xét  4.Củng cố, dặn dò  -Về nhà quan sát tập đếm số lượng trong phạm vi 10. | - HS quan sát  - Hai bạn hỏi nhau.  HS thực hiện theo nhóm hoặc theo cặp:  a) Đếm và gọi tên 9 đồ vật  b)Lấy từ bộ đồ dùng học tập 7 đồ vật.  - HS thực hiện  -HS thực hiện theo nhóm hoặc theo cặp:  a) Đếm và gọi tên 9 đồ vật  Quan sát hình vẽ, đếm và gọi tên 9 đồ vật trong hình.  b)Lấy từ bộ đồ dùng học tập 7 đồ vật.  - HS thực hiện.  - HS lắng nghe, thực hiện |

----------------------------------------------------

Ôn luyện kiến thức

**LUYỆN TIẾNG VIỆT: NG, NGH**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù - năng lực ngôn ngữ**

**1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

- Củng cố cho HS các âm ng, nghi, p, ph và đọc đúng tiếng có chữ cái đã học.

- Đọc đúng các tiếng có chứa âm ng, ngh, p, ph.

- Viết đúng các chữ cái ng, ngh và các chữ ghi tiếng lo nghĩ, ru ngủ,

**1.2. Phát triển năng lực văn học**

- Bước đầu biết cảm nhận được ý nghĩa của chữ đẹp

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Khơi gợi tình yêu học tập.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Tranh, ảnh, mẫu vật.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Mở đầu**  **2. Luyện tập, vận dung**  **Bài 1:**  **-** Em hãy kể tên những âm mà em đã được học trong tuần qua.  - Gọi HS đọc  - GV nhận xét  Bài 2: Điền vào chỗ trống **ng** hoặc **ngh**  …….ò …….ẻ  …….ì …….ủ  - Nhận xét, bổ sung  Bài 3: Viết  - GVđọc **ng, ngh**, các tiếng **lo nghĩ, ru ngủ**  - GV theo dõi giúp HS yếu viết bài.  - Thu vở chấm  **3. Củng cố, dặn dò**  - Nhận xét tiết học.  - Về nhà đọc ôn lại bài | - HS hát  - HS kể: gh, gi, k, kh, m, n, nh, ng, ngh  - HS lên bảng đọc  - HS làm bài cá nhân  - HS trả lời, HS khác nhận xét  - HS lắng nghe  - HS viết vào vở ô ly  - Đổi vở kiểm tra |

-----------------------------------------------------------

***Thứ ba, ngày 8 tháng 10 năm 2024***

Tiếng việt

**BÀI 23: P, PH ( T1+2 )**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù - năng lực ngôn ngữ**

**1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

- Nhận biết âm và chữ cái **p, ph;** đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **p, ph.**

- Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có âm **p,** âm **ph.**

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Nhà dì.*

- Biết viết đúng trên bảng con các chữ **p, ph;** các tiếng **pi a nô, phố** (cổ).

**1.2. Phát triển năng lực văn học**

- Bước đầu biết cảm nhận được nội dung và ý nghĩa bài đọc

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Khơi gợi tình yêu học tập.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Đồ dùng dạy học**

- HS: Bộ ĐDHT, SGK, vở, bảng con, phấn.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1**  **1. Mở đầu**  - GV cho 2 HS đọc bài **ng, ngh** cả lớp viết bảng con: **ngà, nghé.**  + GV nhận xét.  **2. Hình thành kiến thức mới**  **\* Khám phá**  - Giới thiệu bài: ghi p, ph.  **a. Dạy âm p, chữ p**  - GV đưa lên bảng lớp hình ảnh hỏi: Tranh vẽ gì?  - GV chốt viết: pi a nô.  - Yêu cầu HS phân tích tiếng **pi.**  - GV phát âm.  **-** Yêu cầu HS tìm chữ **p, i** trong bộ chữ cái, ghép lên bảng gài tiếng **pi**, dơ bảng gài theo hiệu lệnh. GV nhận xét.  **-** Đánh vần mẫu: **pờ - i - pi / pi.**  **-** Yêu cầu HS đánh vần, đọc trơn theo mẫu.  - Nhận xét, sửa lỗi.  **b. Âm ph, chữ ph**  (Dạy tương tự âm p)  **3. Thực hành, vận dụng**  **a. Mở rộng vốn từ**  BT 2: Tiếng nào có chữ **p?** Tiếng nào có chữ **ph?**  - Yêu cầu HS thực hiện theo nhóm đôi tìm tiếng có chữ **p, ph.**  - Gọi HS đọc lại các tiếng.  - Khuyến khích HS tìm tiếng ngoài bài có chữ **p, ph.**  - Nhận xét, tuyên dương.  **Tiết 2**  **b. Tập đọc** (BT 4)  - GV chỉ hình, giới thiệu bài đọc: Bi và gia đình đến chơi nhà dì ở phố.  - GV đọc mẫu cả bài.  - Hướng dẫn luyện đọc từ ngữ: **dì Nga, pi a nô, đi phố, ghé nhà dì, pha cà phê, phở.**  - Hướng dẫn luyện đọc câu: Yêu cầu HS xác định số câu trong bài.  - Yêu cầu luyện đọc cá nhân sau đó đọc nối tiếp theo nhóm đôi.  - Tổ chức cho HS thi đọc đoạn.  - Nhận xét, tuyên dương.  **Tìm hiểu bài đọc:** GV gắn lên báng lớp 4 thẻ từ; chỉ từng cụm từ cho cả lớp đọc.  - Hướng dẫn HS hoàn thành bài tập trên bảng lớp.  - Nhà dì Nga có **pi a nô**.  - Cả nhà Bi đi phố, ghé nhà dì.  - GV KL: Ở nhả dì Nga, gia đình Bi còn được thưởng thức đồ ăn, thức uống gì? (Bố mẹ uống cà phê. Bi ăn phở. Bé Li có na).  **c. Tập viết** (bảng con - BT 5)  - GV vừa viết từng chữ, tiếng vừa hướng dẫn:  + Chữ **p:** cao 4 li; viết 1 nét hất, 1 nét thẳng đứng, 1 nét móc hai đầu.  + Chữ **ph:** là chữ ghép từ hai chữ **p** và **h.** Viết **p** trước, **h** sau (từ **p** viết liền mạch sang **h** tạo thành ph).  + Viết **pi a nô:** GV chú ý không đặt gạch nối giữa các tiếng trong những từ mượn đã được Việt hoá (không cần nói với HS điều này).  Viết **phố** (cổ): viết **ph** trước, **ô** sau. Chú ý nối nét **ph** và **ô.**  - Hướng dẫn HS luyện viết trên bảng con.  - Nhận xét, sửa chữa.  **4. Củng cố, dặn dò:**  **-** Gọi HS đọc lại bài đã học**.**  - Nhận xét tiết học, tuyên dương.  - Dặn HS về nhà luyện viết và luyện đọc. | - 2 HS đọc bài, lớp viết bảng con.  - HS phát biểu.  - HS quan sát: Đàn.  - HS phân tích CN, N, L.  - Phân tích: p đứng trước, i đứng sau.  - Thực hiện.  - Lắng nghe, phát âm theo gv.  - Chú ý theo dõi.  - Thực hiện CN, T, L.    - HS thực hiện.  - **pin, phở, phi**…  - Lắng nghe.  - Lắng nghe.  - Lắng nghe.  - HS đọc: CN, T, L.  - HS thực hiện.  - HS đọc: CN, T, L.  - Lắng nghe.  - HS đọc.  - Thực hiện.  - Đọc cả lớp.  - Lắng nghe.  - Lắng nghe.  - HS theo dõi, quan sát.  - HS viết: **p, ph** (2 lần). Sau đó viết: **pi a nô**, **phố cổ**.  - Nhận xét. Lắng nghe.  - 2 - 3 HS đọc.  - Lắng nghe.  - Lắng nghe, thực hiện. |

---------------------------------------------------

Hoạt động trải nghiệm

**HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ**

**AI CŨNG CÓ ĐIỂM ĐÁNG YÊU**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1**. **kiến thức, kỉ năng:**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Mô tả được đặc điểm bên ngoài và bước đầu nêu được đặc điểm tính cách, thói quen của bản thân.

**2. Năng lực:**

- Nêu được mỗi người đều có những đặc điểm bên ngoài và các nét tính cách riêng cần được tôn trọng.

**3. Phẩm chất.**

- Yêu quý bản thân và tôn trọng đặc điểm bên ngoài, tính cách, thói quen của người khác, thể hiện cảm xúc vui vẻ, thân thiện với bạn bè xung quanh.

**II. Chuẩn bị:**

- Tranh ảnh/tấm bìa vẽ trang phục.

- Giấy A4, màu, bút vẽ.

- Các bức ảnh của cá nhân HS và gia đình.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của gv | Hoạt động của hs |
| **1.Khởi động . ( 5 phút).**  **-** Ổn định  - Giới thiệu bài  - Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu về những điểm tốt, điểm nổi trội của bản thân.  **2. Hình thành kiến thức mới** :  **\*Khám phá**  **Hoạt động 1. Giới thiệu về những điểm đáng yêu của em**  ***\* Mục tiêu:*** HS mô tả được đặc điểm bên ngoài và bước đầu nêu được đặc điểm, tính cách, thói quen của bản thân  ***\* Cách tiến hành:***  - GV cho HS làm việc theo nhóm đôi.  - GV Y/C HS giới thiệu cho bạn nghe về một đặc điểm của bản thân mà mình cảm thấy đáng yêu nhất.  - GV cho HS lên chia sẻ trước lớp về những điểm đáng yêu của mình.  \*GV kết luận:  - Ai cũng có những điểm đáng yêu và đáng tự hào: có người đáng yêu về ngoại hình, có người đáng yêu về tính cách, thói quen.  **3. Thực hành, luyện tập**  **Hoạt động 2: Nói về những điểm đáng yêu của bạn.**  ***\* Mục tiêu:***  - HS nêu được và hiểu rằng mỗi người đều có những đặc điểm bên ngoài và các nét tính cách riêng cần được tôn trọng.  ***\* Cách tiến hành:***  - GV cho HS thảo luận theo nhóm với nội dung : Nhớ về những đặc điểm bên ngoài và tính cách, thói quen của một người bạn mà em yêu quý (có thể trong lớp học hoặc ngoài lớp học của em) theo các gợi ý:  + Bạn của em tên là gì?  + Bạn có đặc điểm như thế nào về ngoại hình, tính cách, thói quen?  + Em yêu quý đặc điểm nào nhất của bạn? Vì sao?  - Cho HS chia sẻ trong nhóm về người bạn của mình.  - Chia sẻ trước lớp về người bạn của mình.  ***\* Kết luận:***  Mỗi người đều có những đặc điểm bên ngoài: hình dáng, nét mặt, cử chỉ riêng, không giống với người khác. Chúng ta cần yêu quý bản thân và tôn trọng sự khác biệt đó.  **Hoạt động 3: Trò chơi “ Đoán tên bạn”** **\**\* \*Mục tiêu:***  - HS thể hiện sự yêu quý, tôn trọng đặc điểm bên ngoài, tính cách, thói quen của các bạn; thể hiện cảm xúc vui vẻ, thân thiện với bạn bè xung quanh.  ***\* Cách tiến hành:***  - GV phổ biến luật chơi:  + Từng bạn lên tham gia trò chơi và quay mặt xuống lớp.  + GV ghi tên một bạn bất kì trong lớp lên bảng.  + Các bạn bên dưới sẽ gợi ý bằng cách nêu những đặc điểm bên ngoài, tính cách hoặc thói quen của bạn có tên trên bảng  + Bạn HS lên tham gia chơi sẽ phải đoán và chỉ ra được cô giáo ghi tên trên bảng là bạn nào trong lớp.  - GV cho HS chơi trò chơi.  ***\* Kết luận:***  - Ai cũng có những điểm đáng yêu thân và yêu quý, vui vẻ với các bạn trong lớp.  **4. Vận dụng.(3 phút**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà chia sẻ với người thân về những điểm nổi trội, đáng yêu của bản thân mình. | - Hát  -Hs lắng nghe  - HS chia nhóm theo bàn.  - Từng HS quay sang bạn ngồi cạnh và giới thiệu cho bạn nghe về ít nhất một đặc điểm bên ngoài hoặc tính cách, thói quen của bản thân mà mình cảm thấy đáng yêu nhất. Sau đó đổi vai  - Một vài cặp lên chia sẻ trước lớp  - Lắng nghe, ghi nhớ  .  - Làm việc theo nhóm  - HS trình bày những cảm nhận của cá nhân các em với bạn trong nhóm.  - Đại diện các nhóm lần lượt lên chia sẻ trước lớp.  - HS nhận xét nhóm bạn  *.*    - Lắng nghe, ghi nhớ  - HS lắng nghe để tham gia trò chơi.  - Vài lượt HS lên chơi trò chơi.  -HS lắng nghe.  - Lắng nghe |

**Chiều**

Toán

**EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC (tiết 2)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Củng cố kĩ năng đếm, nhận biết số lượng trong phạm vi 10; đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 10.

- Củng cố kĩ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.

- HS biết đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 10. Biết tách số, nhận dạng được hình **vuông**, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.

**2. Năng lực cần đạt**

- Thực hành sử dụng các dấu (>, <, =) để so sánh các số trong phạm vi 5.(Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học)

**3. Phẩm chất:**

**-**  Rèn luyện phẩm chất chăm học, kiên trì trong học tập.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**-**  Các thẻ số từ 0 đến 10; Bộ đồ dùng học Toán.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** | ***Hoạt động của học sinh*** |
| **1. Mở đầu**  - Yc học sinh hát kết hợp vận động.  **2. Thực hành, luyện tập**  ***Bài 4. Xem các thẻ số sau***  - HS lấy các thẻ số từ 0 đến 10:  a) Tìm các thẻ ghi số bé hơn 5; | - Hát kết hợp vận động  - Thực hiện theo cặp hoặc theo nhóm bàn: |

|  |  |
| --- | --- |
| b) Tìm các thẻ ghi số lớn hơn 7;  c) Lấy ra các thẻ số 6, 3, 7, 2 rồi sắp xếp các thẻ số đó theo thứ tự từ bé đến lớn.  -Nhận xét  ***Bài 5. Hình sau có bao nhiêu hình vuông? Hình tròn? Hình tam giác? Hình chữ nhật?***  - HS quan sát, thực hiện  - Nhận xét  **3. Vận dụng**  *Bài 6: Mỗi bông hoa có bao nhiêu cánh?*  - GV giới thiệu cho HS các loại hoa có 3, 4, 5, 6, 8, 10 cánh trong hình vẽ lần lượt là: hoa duyên linh, hoa mẫu đơn, hoa mai trắng, hoa dừa cạn, hoa ly, hoa bướm.  Liên hệ thực tế với những loại hoa mà em biết.  -Nhận xét  Khuyến khích HS về nhà quan sát các bông hoa trong tự nhiên, đếm số cánh hoa, tìm hiểu thêm về những bông hoa có 1 cánh, 2 cánh, 3 cánh, ...  **4.Củng cố, dặn dò**  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  -Về nhà quan sát các bông hoa trong tự nhiên, đếm số cánh hoa, tìm hiểu thêm về những bông hoa có 1 cánh, 2 cánh, 3 cánh, ... | - HS có thể tự đặt các yêu cầu tương tự để thực hành trong nhóm.  - Cá nhân HS quan sát tranh, đếm từng loại hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật trong tranh rồi ghi kết quả vào vở.  - HS chia sẻ kết quả với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả  - HS quan sát tranh, đếm số cánh hoa của mỗi bông hoa.  -HS chia sẻ kết quả với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả:  **-** Em biết đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 10. Biết tách số, nhận dạng được hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật. |

*--------------------------------------------------------*

Tiếng việt

**TẬP VIẾT ( SAU BÀI 22, 23 )**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù - năng lực ngôn ngữ**

**1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

- Tô, viết đúng các chữ **ng, ngh, p, ph** và các tiếng **ngà, nghé, pi a nô, phố cổ** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

**1.2. Phát triển năng lực văn học**

- Bước đầu biết cảm nhận được ý nghĩa của chữ đẹp

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Khơi gợi tình yêu học tập.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Đồ dùng dạy học**

- Các chữ mẫu **ng*,* ngh*,* p*,* ph** đặt trong khung chữ.

**III. Hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Mở đầu**  \* Ổn định.  - GV cho học sinh hát 1 bài: Lá cờ Việt Nam.  **2. Hình thành kiến thức mới**  **\* Khám phá**  Giới thiệu bài: HS tập tô, tập viết các chữ, tiếng vừa học ở bài 22, 23.  a. GV viết trên bảng lớp: **ng, ngà, ngh, nghé, p, pi a nô, ph, phổ cổ**.  b. Tập tô, tập viết: **ng, ngà, ngh, nghé**  - GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn:  + Chữ ng*:* là chữ ghép từ hai chữ **n** và **c***.* Viết **n** trước, **g** sau.  + Chữ **ngh**, tiếng **ngà, nghé**, dạy các bước tương tự như chữ **ng**.  **3. Luyện tập**  Tập tô, tập viết: **p, pi a nô, ph, phổ cổ** (như mục a).  - GV vừa viết mẫu từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn quy trình viết:  + Chữ **p**, từ **pi a nô**, chữ **ph**, tiếng **phổ, cổ.**  **4. Củng cố, dặn dò**  - GV nhận xét tiết học; khen ngợi, biểu dương học sinh.  - Nhắc những học sinh viết chưa đẹp tiếp tục luyện viết. | - Cả lớp hát: Lá cờ Việt Nam.  - HS đọc.  - 1 HS nhìn bảng, đọc các chữ, tiếng; nói cách viết, độ cao các con chữ.  - HS quan sát.  - HS tô, viết các chữ, tiếng trong vở *Luyện viết 1,* tập một.  - HS viết.  - HS nghe để thực hiện. |

*--------------------------------------------------------*

***Thứ tư, ngày 9 tháng 10 năm 2024***

Tiếng Việt

**BÀI 24: QU - R (T1,2)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù - năng lực ngôn ngữ:**

**1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

- Nhận biết các âm và chữ cái **qu, r;** đánh vần, đọc đúng tiếng có **qu, r.**

- Nhìn chữ dưới hình, tìm đúng tiếng có **qu, r.**

- Đọc đúng, hiểu bài tập đọc **Quà quê.**

- Biết viết trên bảng con các chữ và tiếng: **qu, r**, **quả** (lê), **rổ** (cá).

**1.2. Phát triển năng lực văn học**

- Bước đầu biết cảm nhận được ý nghĩa nội dung bài đọc

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi cho các em tình yêu học tập.

- Khơi gợi sự tìm tòi và vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- GV: Học liệu điện tử, chữ mẫu.

- HS: Bộ ĐDHT, SGK, vở, bảng con, phấn. Vở tập viết.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Tiết 1  **1. Mở đầu**  - Ổn định.  - Tổ chức trò chơi Tìm âm đã học.  GV: Tìm tiếng có âm có chứa âm p, âm ph đã học?  - GV nhận xét, tuyên dương HS chơi.  **2. Hình thành kiến thức mới**  **\* Khám phá**  **-** GV chiếu lên bảng tên bài **qu, r**. Giới thiệu bài mới: âm **qu** và chữ **qu**, âm **r** và chữ **r.**  - GV giới thiệu chữ **Q, R** in hoa.  **HĐ1:** Dạy âm **qu**, chữ **qu**. (BT1: Làm quen).  - GV chỉ hình quả lê cho hs quan sát tranh và trả lời câu hỏi: Đây là quả gì?  - GV: lê là loại quả rất thơm và ngọt.  - GV: Trong từ **quả lê**, tiếng **quả** có âm **quờ**  \* Phân tích:  - GV viết bảng mô hình tiếng **quả.**  - GV chỉ mô hình đọc mẫu.  - GV hỏi: Tiếng **quả** gồm những âm nào?  - Nhận xét.  \* Đánh vần:  - GV đánh vần mẫu.  **HĐ2: Dạy âm r, chữ r.**  (Các bước tương tự như dạy âm **qu, chữ qu)**.  **3. Luyện tập**  **HĐ3: Mở rộng vốn từ. (**BT2: Tiếng nào có âm **qu**, tiếng nào có âm **r).**  \* Tìm tiếng có âm **qu.**  - GV chỉ từng hình.  - GV nhận xét chốt ý đúng.  \* Tìm tiếng có âm **r**.  (Quy trình dạy tương tự tìm tiếng có âm **qu).**  **HĐ4: Tập đọc (**BT3)  a. GV chỉ hình minh họa bài đọc **Quà quê** giới thiệu bài đọc.  b. GV đọc mẫu.  - GV chỉ từng hình minh họa giới thiệu, giải nghĩa các từ: **cá rô, cá quả, gà ri.**  c. Luyện đọc từ ngữ: **quà quê, quế, rổ khế, rổ mơ, cá rô, cá quả.**    **Tiết 2**  d. Luyện đọc từng câu, từng lời dưới tranh:  e. Thi đọc đoạn, cả bài, đọc theo lời nhân vật.  e. Tìm hiểu bài đọc.  - GV nêu câu hỏi: Bà cho nhà quế quà gì?  - Cho HS đọc lại toàn bài (trang 46 - 47).  **HĐ5: Tập viết** (Bảng con - BT4).  a. viết chữ **qu, r:**  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn cách viết chữ **qu, r.**  - GV nhận xét.  b. Viết tiếng **quả** (lê), **rổ** (cá).  **-** GV hướng dẫn cách viết.  **4. Vận dụng**  - Khuyến khích HS về nhà kể cho người thân nghe tên các thứ quà quê mà các em vừa học. | - Hát.  - HS nối tiếp nhau tìm.  - Lắng nghe.  - Cả lớp đọc **qu** (quờ**), r** (rờ).  - HS quan sát, trả lời: **quả lê**.  - HS nhận biết.  - HS đọc CN - T - Lớp: **quả.**  - HS đọc cá nhân - ổ - cả lớp.  **quờ - a - qua - hỏi - quả / quả.**  - HSTL: âm **qu** (quờ) và âm **a.**  - HS đánh vần CN - tổ - lớp.  **-** HS lần lượt nói CN, lớp: **cá quả, quế, quạ.**  **-** HS làm bài theo cặp.  **-** HS nhìn hình nói tiếng có. âm **qu: quả, quế, quạ.**  - HS nối tiếp nhau nói tiếng có âm **qu** ngoài bài: **quê, quen**...  **-** Lắng nghe.  - HS theo dõi.  - HS đọc cá nhân, tổ, lớp.  - HS nối tiếp nhau đọc, cặp, tổ, lớp.  - Các cặp - tổ thi đọc nối tiếp 2 đoạn.  - 1HS đọc trên bảng lớp.  - Cả lớp đọc bài ở SGK.  - HSTL.  - Cả lớp đọc.  - HS nhìn bảng đọc lại các chữ, tiếng: **qu, r, quả lê, rổ cá.**  - HS viết bảng con (2 - 3 lần).  - Đọc tiếng vừa viết trên bảng con.  - HS viết bảng con (2 - 3 lần). |

---------------------------------------------------------

***Thứ năm, ngày 10 tháng 10 năm 2024***

Tiếng Việt

**BÀI 25: S, X (T1+2)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1.1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ**

- Nhận biết các âm và chữ **s, x**; đánh vần, đọc đúng tiếng có **s, x**.

- Nhìn chữ dưới hình, tìm đúng tiếng có âm **s,** âm **x**.

- Đọc đúng bài Tập đọc **Sẻ, quạ.**

- Biết viết trên bảng con các chữ, tiếng: **s, x, sẻ, xe (ca).**

**1.2. Phát triển năng lực văn học**

- Bước đầu biết cảm nhận được ý nghĩa nội dung bài đọc

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Đồ dùng dạy học**:

- Tranh ảnh, mẫu vật, vật thật hoặc máy chiếu.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1**  **1. Mở đầu**  - GV kiểm tra 2 HS đọc bài **Quà quê** (bài 24)  **2. Hình thành kiến thức mới**  **\* Khám phá**  a, Giới thiệu bài: âm và chữ **s, x.**  - GV chỉ chữ s, phát âm: **s** (sờ).  - Làm tương tự với **x** (xờ).  - GV giới thiệu chữ **S, X** in hoa.  b. Chia sẻ và khám phá (Bài 1: Làm quen)  - Âm **s** và chữ **s**: HS nhìn hình, nói:  - Đọc **sẻ, xe**  - Phân tích, đánh vần **sẻ, xe.**  \* Củng cố: HS nói 2 chữ vừa học (**s, x**); 2 tiếng vừa học **(sẻ, xe**).  **3. Luyện tập, vận dụng**  a. Mở rộng vốn từ (Bài 2: Tiếng nào có âm **s**? Tiếng nào có âm **x**?)  - GV cho HS tìm tiếng có âm **s, x.**  - GV chỉ từng chữ đậm.  - Tiếng sổ có âm **s**. Tiếng xô có âm **x**,...  b. Tập đọc (Bài 3)  - Giới thiệu bài đọc.  - GV đọc mẫu: rõ ràng, chậm rãi; vừa đọc vừa chỉ hình.  - Luyện đọc từ ngữ: **nhà sẻ, sẻ bé, ca “ri... ri...”, phía xa, nhà quạ, quạ la “quà... quà...”, sợ quá, dỗ.**  **Tiết 2**  + Luyện đọc từng lời dưới tranh (6 tranh)  - GV chỉ từng lời cho HS đọc vỡ. Đọc liền 3 câu cuối (ở tranh 6).  - Đọc tiếp nối từng lời dưới tranh.  - Thi đọc tiếp nối 3 đoạn (mồi đoạn 2 tranh)  + Tìm hiểu bài đọc.  - GV nêu YC; chỉ hình, mời 1 HS nói kết quả:  - GV chốt nội dung bài.  \* Cả lớp đọc lại bài 25; đọc cả 8 chữ vừa học trong tuần, dưới chân trang 48.  c. Tập viết (bảng con - Bài 4).  - HS đọc các chữ, tiếng vừa học trên bảng.  - GV vừa viết (hoặc tô) chữ mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn: **s, x, sẻ, xe, ca.**  - Chú ý đặt thanh hỏi trên e.  - Vừa rồi chúng ta học được những âm mới nào, tiếng mới nào?  **4. Củng cố, dặn dò**  - Về nhà tìm thêm tiếng có âm **s, x** viết vào vở ô ly.  - GV nhắc HS về nhà kể cho người thân nghe câu chuyện **Sẻ, quạ.**  - Nhận xét tiết học. | - 2HS đọc.    - HS đọc; CN, N, L.  - HS đọc.    - HS đọc đồng thanh, cá nhân.  - HS đọc to tiếng có âm **s, x.**  - HS nói 3 - 4 tiếng ngoài bài có âm **s, x.**  - HS: tiếng **sổ, xô**, cả lớp đồng thanh. Tiếng **sổ** có âm **s**…  - HS luyện đọc.  - Lắng nghe.  - HS đọc.    - HS đọc cá nhân, từng cặp.  - HS đọc cặp, tổ, đồng thanh  - HS nêu kết quả: 1) **sẻ ca “ri... ri...**  2) Quạ la - quà... quà....  - Cả lớp đọc bài.  - HS: **s, x, sẻ, xe.**  - HS viết: **s, x** (2 - 3 lần). Sau đó viết: sẻ, xe (ca).  - HS trả lời. |

-----------------------------------------------------------

Ôn luyện kiến thức

**TOÁN: ÔN TẬP**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Biết đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 10. Đọc, viết đúng và so sánh  các số từ 0 đến 10.

 - Bước đầu rèn luyện kĩ năng quan sát, phát triển các năng lực toán học.

 - Có khả năng cộng tác, chia sẻ với bạn.

**2. Năng lực**

- Thực hành sử dụng các dấu (>, <, =) để so sánh các số.

**3. Phẩm chất:**

**-**  Rèn luyện phẩm chất chăm học, kiên trì trong học tập.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**-**  Các thẻ số từ 0 đến 10; Bộ đồ dùng học Toán.

**III. Hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Mở đầu**  - GV cho cả lớp hát 1 bài.  **2. Luyện tập**  a. Giới thiệu bài  b. Hướng dẫn HS làm bài tập  \* Bài 1: Đúng ghi **đ,** sai ghi **s**     a) 5 < 2 ⬜ a) 6 = 6 ⬜     b) 4 >1  ⬜   b) 4 >3 ⬜    **\* Bài 2**: Số?   - GV nêu nêu cầu, cho HS quan sát hình   - GV Hướng dẫn HS làm bài.  + 5 gồm 4 và mấy? con điền số mấy vào ô trống?   - Cho HS đổi chéo vở kiểm tra.   - GV nhận xét.  **\* Bài 3:** Đúng ghi **> ,< ,=**  - GV nêu yêu cầu.  - HDHS làm bài.  - Cho HS làm miệng sau đó làm vở.  - GV quan sát HS làm và nhận xét.  **3. Vận dụng**  **\* Bài 4:**  a) Khoanh vào số bé nhất    10;           0;          1;         9;  - GV nêu yêu cầu. Cho HS quan sát các số.  - HD học sinh làm bài.  - GV yêu cầu HS làm bài vào vở.  b) Khoanh vào số lớn nhất.         9 ;          0  ;         7 ;            8  - GV nêu yêu cầu. Cho HS quan sát các số.  - HD học sinh làm bài.  - GV yêu cầu HS làm bài vào vở.  **4. Củng cố - dặn dò.**  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Nhận xét tiết học.  - Nhắc nhở các em về chuẩn bị bài sau. | - HS hát.    - HS làm bài.  - HS đổi vở nhận xét bạn.  - 1 HS nêu.  + 5 gồm 4 và 1. vậy con điền số 1 vào ô trống.  - HS đổi chéo vở bạn kiểm tra.  - HS làm bài theo yêu cầu.  - HS nhận xét bạn.  - Nêu lại yêu cầu.  - Làm miệng sau đó điền **đ, s** vào vở.  5 ….6        3 …5          1… 1  7 … 8      8 … 8          8… 5  8 … 6          2…3        4 …2  - HS quan sát và đọc lại các số.  - HS tìm số bé nhất rồi khoanh: 0  - HS quan sát và đọc lại các số  - HS tìm số lớn nhất rồi khoanh: 9 |

***Thứ sáu, ngày 11 tháng 10 năm 2024***

Tiếng Việt

**TẬP VIẾT: SAU BÀI 24, 25**

1. **Yêu cầu cần đạt**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ**

**1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

**-**Tô, viết đúng các chữ: **ng, ngh, p, ph** các tiếng **ngà, nghé, pi – a – nô, phố cổ**, chữ **qu, r, s, x**, các tiếng **quả lê, rổ cá, sẻ, xe ca** - chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

**1.2. Phát triển năng lực văn học**

- Bước đầu biết cảm nhận được ý nghĩa nội dung bài đọc

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Rèn cho HS tính kiên nhẫn, cẩn thận, có ý thức thẩm mỹ khi viết chữ.

**II. Đồ dùng dạy học**

- Các chữ mẫu **qu, r, s, x**, đặt trong khung chữ.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Mở đầu**  - Cho HS hát 1 bài.  **2. Luyện tập**  - Yêu cầu HS đọc các chữ, tiếng GV viết trên bảng: **qu, quả lê, r, rổ cá, s, sẻ, x, xe ca.**  a/Tập tô, tập viết: **qu, quả lê, r, rổ cá**  *-* Yêu cầu HS đọc các chữ, tiếng *qu,* **quả lê, r, rổ cá** và nêu cách viết độ cao cao các con chữ.  - GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn quy trình viết.  - Yêu cầu HS thực hiện trên vở luyện viết.  - GV nhận xét một số bài viết của học sinh.  **3. Củng cố, dặn dò:**  **-** Gọi HS đọc lại các chữ, tiếng, số vừa viết.  - Nhận xét tiết học.  - GV tuyên dương, khen thưởng những học sinh viết nhanh, viết đúng, viết đẹp.  - Nhắc nhở, động viên những học sinh chưa viết xong tiếp tục hoàn thành. | - Hát  - HS đọc trên bảng các chữ, tiếng: qu, quả lê, r, rổ cá, s, sẻ, x, xe ca.  - 1 HS thực hiện.  - HS quan sát.  - HS tô, viết: **qu, quả lê, r, rổ cá** trong vở *Luyện viết 1,* tập một.  - Lắng nghe.  - 1 HS đọc lại.  - HS lắng nghe. |

-------------------------------------------------------------

Tiếng Việt

**KỂ CHUYỆN: KIẾN VÀ BỒ CÂU**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù - năng lực ngôn ngữ**

**1.2. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

- Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi dưới tranh.

- Nhìn tranh, có thể tự kể từng đoạn của câu chuyện.

- Hiểu ý nghĩa của câu chuyện: Hãy giúp đỡ nhau lúc hoạn nạn, khó khăn. Mình vì người khác, người khác sẽ vì mình.

- GDĐP:Kể về những tấm gương vượt khó

**1.2. Phát triển năng lực văn học**

- Bước đầu biết cảm nhận được ý nghĩa nội dung câu chuyện

**2. Góp phần phát triển các phẩm chất**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Chuẩn bị**

- Học liệu điện tử.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Mở đầu**  - Ổn định:  + GV chỉ tranh 1, 2 minh họa truyện Đôi bạn. Mời 2 HS lên kể lại.  + GV chỉ tranh 3, 4.  + Mời 1 HS kể toàn chuyện.  + GV cho học sinh nhận xét.  **2. Hình thành kiến thức mới**  **Khám phá**  **a. Quan sát và phỏng đoán**  - GV chiếu lên bảng 4 bức tranh minh họa.  - Các em xem tranh và nói tên các con vật trong tranh.  - GV hãy thử đoán nội dung truyện.  **b. Giới thiệu truyện**  - GV giới thiệu câu chuyện.  - GV bật đoạn clip kể chuyện *Kiến và bồ câu* trong phần học liệu.  **c. GV kể chuyện**  + GV kể lần 1: kể không chỉ tranh.  + GV kể lần 2: Vừa chỉ tranh vừa kể thật chậm.  + GV kể lần 3: Vừa chỉ tranh vừa kể thật chậm.  Nội dung câu chuyện: (Trong SGV).  **3. Luyện tập**  **a. Trả lời câu hỏi theo tranh.**  + GV nêu lần lượt các câu hỏi dưới mỗi tranh.  - GV chỉ tranh 1, 2 cho học sinh trả lời các câu hỏi theo 2 tranh.  - Tiếp tục cho HS trả lời câu hỏi với các cặp tranh còn lại.  - GV cho HS trả lời cả 6 câu hỏi theo 6 bức tranh.  **b. Kể chuyện theo tranh**  \* GV yêu cầu mỗi HS chọn 1 tranh và tự kể chuyện theo bức tranh đó.  - GV gọi HS lên kể trước lớp.  - GV cùng HS nhận xét bạn kể.  \* Trò chơi : Ô cửa sổ.  - GV chiểu lên bảng các ô cửa sổ (4 ô cửa sổ).  - GV mở cửa sổ để hiện ra hình minh họa đoạn chuyện.  - GV cho HS chơi trò chơi.  - GV mở cả 6 tranh yêu cầu HS kể lại toàn bộ câu chuyện.  \* GV cất tranh mời HS kể lại câu chuyện.  **c. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện**  - Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì?  - GV nêu kết luận câu chuyện.  - GV cùng cả lớp bình chọn bạn kể chuyện hay.  **4. Vận dụng**  - Về nhà kể lại cho người thân nghe.  - Xem trước tranh minh họa, chuẩn bị cho tiết kể chuyện sau. | - Hát.  - 2 HS lên kể.  - 2 HS lên kể.  - HS xung phong.  - HS quan sát.  - HS quan sát chia sẻ theo cặp.  - HS đoán ND câu chuyện.  - HS lắng nghe giới thiệu.  - HS lắng nghe.  + HS lắng nghe GV kể.  + HS lắng nghe và quan sát tranh.  + HS lắng nghe và quan sát tranh.  + HS nối tiếp nhau trả lời (mỗi bức tranh 2 HS trả lời).  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - 1 HS trả lời câu hỏi ở cả 6 tranh.  \* HS tự chọn 1 tranh và tập kể theo tranh.  - HS xung phong lên kể theo tranh mình đã chọn.  - HS theo dõi và chọn ô cửa sổ mình thích.  - HS nhìn hình minh họa và kể lại chuyện.  - HS xung phong kể.  \* HS xung phong lên kể chuyện.  - Câu chuyện khuyên chúng ta: Hãy giúp đỡ nhau lúc hoạn nạn, khó khăn. Mình vì người khác, người khác sẽ vì mình.  - HS lắng nghe. |

-----------------------------------------------------------------

**Chiều**

Toán

**EM VUI HỌC TOÁN**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Nghe hát, vận động theo nhịp và chơi trò chơi, thông qua đó củng cố kĩ năng đếm, nhận biết số lượng trong phạm vi 10.

- Làm các số em thích bằng các vật liệu địa phương, biểu diễn các số bằng nhiều cách khác nhau.

- Củng cố kĩ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật gắn với các biển báo giao thông.

**2. Năng lực cần đạt**

**-** HS biết đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 10. Biết tách số, nhận dạng được hìnhvuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật. (Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học)

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất chăm học, kiên trì trong học tập.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Bút màu, giấy vẽ.

- Một số hình ảnh biển báo giao thông.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Mở đầu**  *Nghe hát, vận động theo nhịp và giơ ngón tay đúng số lượng*  a. HS nghe và vận động theo nhịp của bài hát “Em tập đếm”. HS giơ các ngón tay theo các số có trong lời bài hát.  b. HS thực hiện theo cặp; đọc số, giơ ngón tay đúng số lượng của số vừa đọc và ngược lại. Khi giơ một số ngón tay, GV yêu cầu HS phải nói đúng số lượng ngón tay vừa giơ.  -Nhận xét  **2. Hình thành kiến thức mới**  + Tạo thành các số em thích  - YCHS làm các số đã học (từ 0 đến 10) bằng các vật liệu khác nhau đã chuẩn bị trước. Chẳng hạn ghép số bằng các viên sỏi, nặn số bằng đất nặn hoặc dùng dây thừng để tạo số, ...  - Khuyến khích HS sáng tạo theo cách của các em.  -Nhận xét, tuyên dương  **3. Luyện tập, vận dụng**  + Thể hiện số bằng nhiều cách  - YC HS thể hiện các số đã học bằng nhiều cách: viết, vẽ, tô màu,…  - Khuyến khích HS sáng tạo theo cách của các em.  - YC trưng bày các sản phẩm của nhóm, cử đại diện trình bày ý tưởng.  -Nhận xét  *+ Tìm hiểu biển báo giao thông*  - YC làm việc nhóm  - YC nêu hình dạng của các biển báo giao thông trong hình vẽ.  \*GV giới thiệu cho HS: Trong hình vẽ, thứ tự từ trái qua phải là các biển báo: đường dành cho ô tô, đường dành cho người tàn tật, đường dành cho người đi bộ cắt ngang và đường cấm đi ngược chiều.  - Nhận xét  **4. Củng cố, dặn dò**  - HS nói cảm xúc sau giờ học.  - HS nói về hoạt động thích nhất trong giờ học.  - HS nói về hoạt động nào còn lúng túng, nếu làm lại sẽ làm gì. | a. HS nghe và vận động theo nhịp  HS giơ các ngón tay theo các số có trong lời bài hát.  b) Giơ ngón tay đúng số lượng:  HS thực hiện theo cặp; đọc số, giơ ngón tay đúng số lượng của số vừa đọc và ngược lại.  - HS thực hiện theo nhóm:  - HS làm các số đã học (từ 0 đến 10)  - Trưng bày các sản phẩm của nhóm, cử đại diện trình bày ý tưởng.  - HS thực hiện theo nhóm: HS thể hiện các số đã học bằng nhiều cách: viết, vẽ, tô màu, ...  - Trưng bày các sản phẩm của nhóm, cử đại diện trình bày ý tưởng.  a) Mỗi biển báo giao thông dưới đây có hình dạng gì?  - HS thực hiện theo nhóm:  + Hình chữ nhật, hình vuông, hình tam giác, hình tròn.  b) Nói cho bạn nghe những biển báo giao thông em biết.  - Chia sẻ hiểu biết về các biến báo giao thông. Nhận ra biến cấm thường có màu đỏ. |

Tiếng Việt

**BÀI 27: ÔN TẬP**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù - năng lực ngôn ngữ**

**1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

- Đọc đúng bài tập đọc *Ở nhà bà.*

- Điền đúng chữ **ng** hay **ngh** vào chỗ trống.

- Tập chép đúng chính tả câu văn (chữ cỡ nhỡ).

**1.2. Phát triển năng lực văn học**

- Bước đầu biết cảm nhận được ý nghĩa nội dung bài đọc

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**-** *Vở bài tập Tiếng Việt 1,* tập một.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Mở đầu**  **2. Luyện tập, vận dụng**  **Bài 1**: Tập đọc  - GV chỉ tranh, giới thiệu: Bài **Ở nhà bà** kể về suy nghĩ của Bi khi nghỉ hè ở nhà bà. (Chỉ hình Bi đứng bên cửa sổ nhà bà ở quê, nghĩ về cảnh gia đình đầm ấm có cả bà, cả bố mẹ và bé Li).  - GV đọc mẫu.  + Luyện đọc từ ngữ: **quê, nghỉ hè, nhà bà, xa nhà, giá, ra phố, đỡ nhớ.**  + Luyện đọc câu.  - GV: Bài có 4 câu.  - GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng.  - GV nhắc HS: Câu 4 dài, cần nghỉ hơi đúng sau các dấu phẩy.  + Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mỗi đoạn 2 câu); thi đọc cả bài. (Quy trình như các bài trước).  + Tìm hiểu bài đọc.  - GV: Qua bài đọc, em hiểu điều gì?  **Bài 2**: Em chọn chữ nào: **ng** hay **ngh?**  **-** GV viết bảng các chữ cần điền; nêu YC; giới thiệu mẫu: (mèo) **ngó.**  - HS làm bài trên VBT.  - GV chốt lại đáp án. Cả lớp đọc lại kết quả. Sửa bài (nếu làm sai).  **Bài 3**: Tập chép  - GV giới thiệu bài tập chính tả mới: bài tập chép. Nêu YC, mời cả lớp nhìn bảng đọc to, rõ câu văn cần chép.  - GV chữa bài cho HS, nhận xét chung.  - Bài học này chúng ta được cũng cố lại các âm gì đã học?  **3. Củng cố, dặn dò**  - Nhận xét giờ học.  - Về nhà đọc trước bài tuần sau. | - HS hát bài Lá cờ Việt Nam.  - HS theo dõi, quan sát.  - HS luyện đọc.  - HS thực hiện.  Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp, cả lớp).  - HS thực hiện.  - HS phát biếu.  - 1 HS nhắc lại quy tắc chính tả **ng / ngh.**  - HS thực hiện.  - 1 HS làm bài trên bảng lớp, đọc kết quả: 1: **ngủ.** 2: **nghỉ.** 3: **ngã.**  **-** HS thực hiện  - HS đọc thầm câu vãn, chú ý những từ các em dễ viết sai. (VD: *phố, nhớ, quê).*  - HS nhìn mẫu, chép câu văn vào vở hoặc VBT - cỡ chữ vừa.  - HS viết xong, tự rà soát lỗi; đổi bài với bạn, sửa lỗi cho nhau.  - HS trả lời. |

---------------------------------------------------------------

Hoạt động trải nghiệm 3

**SINH HOẠT LỚP**

**TRÌNH DIỄN TÀI NĂNG CỦA EM**

**Yêu cầu cần đạt**

\*Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Bước đầu nhận biết và thể hiện được khả năng của mình trước các bạn.

- Vui vẻ, tự tin tham gia và ủng hộ các bạn khác tham gia cuộc thi.

**II. Chuẩn bị**

- Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Mở đầu**: Hát  **2. Các bước sinh hoạt**  **a. Nhận xét trong tuần 5**  - GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo:  + Đi học chuyên cần:  + Tác phong , đồng phục .  + Chuẩn bị bài,đồ dùng học tập.  + Vệ sinh.  + GV nhận xét qua 1 tuần học:  *\** Tuyên dương:  - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.  *\** Nhắc nhở:  - GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.  **b*.* Phương hướng tuần 6**  - Thực hiện dạy tuần 2, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.  *-* Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ATVSTP.  -Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới.  **c. Trình diễn “Tài năng của em”.**  *+.* Chuẩn bị cho cuộc thi “Tìm kiếm tài năng nhí”.  - Khách mời: Đại biểu Ban đại diện cha mẹ HS của lớp.  - Chuẩn bị một số món quà nhỏ để tặng cho HS (bút, vở, truyện).  - GV phổ biến chi tiết, cụ thể nội dung kế hoạch, ý nghĩa và mục đích tổ chức tìm kiếm tài năng nhí.  - Tổ chức cho HS chia sẻ và đăng kí trình diễn tài năng của mình theo tổ/ nhóm.  + Em sẽ đăng kí trình diễn nội dung (tài năng) gì?  + Giới thiệu các bạn có tài năng tham gia trình diễn tài năng.  - Ban đại diện cha mẹ HS và GV đi tới các nhóm cùng trao đổi, động viên các  em đăng kí tham gia.  - Cho đại diện các tổ/nhóm HS công bố danh sách các bạn đăng kí tham gia.  - GV thành lập Ban Giám khảo tìm kiếm tài năng của lớp.  - Công bố danh sách các HS đăng kí tham gia thi tìm kiếm tài năng nhí của lớp.  - Công bố danh sách Ban giám khảo thi bao gồm GV chủ nhiệm, đại diện Ban  đại diện cha mẹ HS, đại diện HS của lớp.  + Thi tìm kiếm tài năng nhí.  - Trên cơ sở danh sách đăng kí của lớp, Ban tổ chức cuộc thi hướng dẫn các HSlên trình diễn tài năng trước lớp.  - Ban giám khảo đánh giá các phần thi của các thí sinh, tổng hợp kết quả và công bố trước lớp.  - Đại diện Ban đại diện cha mẹ HS trao tặng quà cho các HS tham gia cuộc thi“Tìm kiếm tài năng nhí”.  - GV động viên, khen ngợi các HS đã tham gia cuộc thi.  - Nhắc nhở các em tiếp tục luyện tập nâng cao năng khiếu của bản thân.) | - HS hát.  - Các trưởng ban, phó ban, phụ trách các hoạt động của ban mình tổng hợp kết quả theo dõi trong tuần.  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - HS luyện tập và tự chuẩn bị các dụng cụ, phương tiện cho của mình.  - HS theo dõi.  - HS đăng kí tiết mục của cá nhân, nhóm.  - Đại diện các tổ/nhóm HS công bố danh sách các bạn đăng kí tham gia cuộc thi cùng với nội dung thi trước lớp.  - HS lắng nghe.  - HS theo dõi.  - Lần lượt các cá nhân, nhóm lên trình diễn.  - Các nhóm lên nhận phần quà của mình.  - Lắng nghe. |

-------------------------------HẾT TUẦN 5-------------------------------